

PHÂN TÍCH MÔ HÌNH CẤU TRÚC ĐẢO VỊ NGỮ TRONG TIẾNG ANH

Phạm Thị Hà, Nguyễn Thị Lệ Hằng

Tóm tắt. Đảo ngữ trong tiếng Anh là hiện tượng ngữ pháp quan trọng trong ngôn ngữ học, được nhiều người quan tâm phân tích với nhiều phương diện khác nhau. Trong tiếng Anh, có nhiều hình thức đảo ngữ với những mục đích sử dụng khác nhau. Bài viết nhằm miêu tả, phân tích các đặc điểm cú pháp và ngữ nghĩa của các mô hình câu đảo ngữ vị ngữ thông dụng trong tiếng Anh, nhằm giúp người học có cái nhìn tổng quan về các mô hình đảo ngữ và định hướng cách sử dụng chúng một cách hiệu quả hơn trong giao tiếp hàng ngày.

Từ khóa: đảo ngữ, vị ngữ, cấu trúc.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đảo ngữ trong tiếng Anh là một trong những vấn đề ngữ pháp quan trọng và mang tính học thuật cao, đang thu hút sự quan tâm tìm hiểu của nhiều người dạy và học tiếng Anh vì tính đa dạng về hình thức và sự phong phú về mặt ngữ nghĩa trong giao tiếp hàng ngày. Không thể phủ nhận là việc sử dụng các cấu trúc đảo ngữ trong tiếng Anh sẽ làm người nói có thể truyền đạt những thông điệp, ý nghĩa của lời nói đến người nghe một cách rõ ràng và minh bạch hơn, giúp người nghe tiếp thu một cách trọn vẹn những gì mà người nói muốn thể hiện một cách sâu sắc và toàn diện hơn.

Có thể nói, đảo ngữ vị ngữ là một trong những hiện tượng đảo ngữ được sử dụng phổ biến nhất bởi lẽ vị ngữ trong tiếng Anh rất đa dạng về mặt hình thức với nhiều vị tổ khác nhau như vị ngữ có thể là một danh từ (cụm danh từ), động từ (cụm động từ), tính từ (cụm tính từ)... Đảo ngữ bộ phận vị ngữ trong mỗi lời nói trong đàm thoại mang những ý nghĩa nhất định. Đã có nhiều bài viết phân tích các mô hình đảo ngữ trong tiếng Anh như: *Chức năng của các cấu trúc đảo ngữ tiếng Anh, Các cấu trúc đảo ngữ toàn phần tiếng Anh với chức năng giới thiệu thực thể trong diễn ngôn* của Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Tạp chí Khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nẵng, số 5(40). 2010. Tuy nhiên, việc phân tích mô hình đảo ngữ vị ngữ trong tiếng Anh vẫn còn là vấn đề mà nhiều người đang quan tâm. Bài viết này tập trung nghiên cứu các mô hình đảo ngữ vị ngữ trong tiếng Anh nhằm giúp người nói (người viết) có sự nhận diện, phân loại các cấu trúc đảo ngữ tiếng Anh và xác định cách thức, mục đích sử dụng chúng trong giao tiếp một cách hiệu quả nhất.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái quát về câu đảo ngữ

2.1.1. Khái niệm

Các nghiên cứu về đảo ngữ tiếng Anh thường đề cập đến định nghĩa của Green. Theo đó, đảo ngữ là “những cấu trúc câu trần thuật mà trong đó chủ ngữ theo sau một phần hoặc toàn bộ

các yếu tố của động ngữ” [4]. Như vậy, có thể hiểu đảo ngữ là hình thức thay đổi trật tự vị trí của chủ ngữ và động từ hay các yếu tố của động từ, trong đó, chủ ngữ được xác định là vị trí đứng sau động từ hay các yếu tố của động từ trong câu trần thuật.

Đảo ngữ là hình thức thay đổi trật tự từ trong câu, thường được sử dụng với văn phong quan trọng có tác dụng nhấn mạnh, nhằm làm tăng thêm cảm xúc của người nói. Nói cách khác, khi cần nhấn mạnh một thành phần nào đó trong câu, người ta thường đặt thành phần đó ở đầu câu. Tóm lại, đảo ngữ là một quá trình cú pháp tạo ra các cấu trúc có chức năng giới thiệu các thực thể vào trong diễn ngôn [3].

Là một dạng phổ quát ngôn ngữ học, đảo ngữ liên quan đến khả năng di chuyển của các thành tố trong câu, do đó tất yếu gắn với sự khác biệt nào đó giữa các biến thể trật tự của câu: sự khác biệt giữa một trật tự được cho là cơ bản hay trật tự “chuẩn” với những trật tự “phi chuẩn”. Sự thay đổi về trật tự sẽ tạo ra những thay đổi về nội dung [1].

2.1.2 Phân loại đảo ngữ

Căn cứ vào vị trí của chủ ngữ, hoặc đứng sau toàn bộ động từ hoặc đứng sau trợ động từ, các nhà Anh ngữ học đã phân loại câu đảo ngữ tiếng Anh thành hai loại chính sau:

a. Đảo ngữ chủ ngữ động từ (đảo ngữ toàn phần): chủ ngữ thường đứng sau toàn bộ cụm động từ.

Ví dụ: *Best of all **would be to get a job in Wellington.*** (1)

b. Đảo ngữ chủ ngữ trợ động từ (đảo ngữ bộ phận): chủ ngữ chỉ xuất hiện trước động từ chính mà không đứng trước trợ động từ.

Ví dụ: Not before in our history **have so many strong influences united** to produce so large a disaster. (2)

2.1.3. Chức năng của câu đảo ngữ

Green [1980; 594] đã nhận xét rằng: “Chức năng nhấn mạnh của đảo ngữ tiếng Anh là một vấn đề đã được bàn luận nhiều nhất, nhưng cũng có lẽ là vấn đề ít được thấu đáo nhất.”

Căn cứ vào quan niệm của Callow [1974], tính nhấn mạnh của đảo ngữ tiếng Anh chủ yếu thể hiện qua 3 chức năng: chức năng đánh dấu tiêu điểm thông báo (TĐTB), chức năng nhấn mạnh cường điệu và chức năng nhấn mạnh biểu cảm.

Theo D. Biber (1999), câu đảo ngữ có các chức năng trong diễn ngôn là:

- Chức năng liên kết văn bản và chuỗi thông tin.
- Chức năng nhấn mạnh biểu cảm và nhấn mạnh cường điệu.
- Chức năng đánh dấu tiêu điểm thông báo.
- Chức năng giới thiệu thực thể trong diễn ngôn.

2.2. Khái quát về vị ngữ

2.2.1. Khái niệm vị ngữ

Vị ngữ trong một câu là thành phần dùng để thông báo hoạt động, trạng thái, tính chất, bản chất, đặc điểm... của người, vật hay việc nêu ở chủ ngữ. Nó có thể là một cụm từ hay một cụm động từ. Trong đó, động từ luôn luôn là vị ngữ [6]. Ví dụ:

We are going to the store now. (3)

The building is very big. (4)

2.2.2. Các loại vị ngữ

Một vị ngữ có thể là một từ hoặc nhiều từ.

a. Một vị ngữ có thể chỉ là một từ duy nhất, đó là động từ. Trong ví dụ sau, động từ *laughed* là vị ngữ của câu:

Felix *laughed*. (5)

b. Một vị ngữ có thể là một nhóm từ tạo thành một động từ chính và bắt kỳ một trợ động từ nào đó. Trong ví dụ dưới đây, cụm động từ *will sing* là vị ngữ của câu:

Ví dụ: Winnie *will sing*. (6)

(Winnie sẽ hát.)

Các trợ động từ luôn đứng trước động từ chính.

c. Một vị ngữ cũng có thể là một cụm động từ hoàn chỉnh: đó là, một động từ chính và tất cả các từ liên quan đến động từ đó, ngoại trừ chủ ngữ. Ví dụ:

The grass *is always greener on the other side*. (7)

(Ở phía bên kia, cỏ cây luôn xanh hơn).

Vị ngữ là cụm từ: *is always greener on the other side*.

Cho dù có thể chỉ là một từ hoặc nhiều từ, vị ngữ thường xuất hiện sau chủ ngữ và cho chúng ta biết điều gì đó về chủ ngữ. Trong tiếng Anh, nhiều mệnh đề đảo vị ngữ có hình thức đảo ngữ chủ ngữ- động từ.

2.3. Các mô hình đảo ngữ bộ phận vị ngữ tiếng Anh

2.3.1. Vị ngữ là tính từ, cụm tính từ (Predicate is an adjective or adjective phrase)

- Cấu trúc thường thấy khi sử dụng **so... that** là:

Subject + main verb + so + adj + that + ...

Ví dụ:

He was so intelligent that he can complete all the homework in only a half an hour.
S P (8)

(Anh ta thông minh đến mức có thể hoàn thành tất cả bài tập về nhà chỉ trong vòng nửa giờ).

She was so preoccupied at this moment that she was unaware that Diana was standing
S P (9)
in the arched doorway to the sitting room.

The IRA was so ruthless in its all-out onslaught that it didn't care who got in its way. (10)

- Cấu trúc đảo ngữ tương ứng là: (So) + adj + main verb + subject + (that) ...

(So) + adj + auxiliary + subject + main verb + (that) + ...

Ví dụ:

So intelligent was he, that he can complete all the homework in only a half an hour.

P

S

So preoccupied was she at this moment, she was unaware that Diana was standing in

P

S

the arched doorway to the sitting room.

(Cô ấy đang quá chú tâm vào công việc đến nỗi cô ta không biết rằng Diana đang đứng trước lối cửa vào phòng khách).

So ruthless was the IRA in its all-out onslaught that it didn't care who got in its way.

(IRA quá tàn nhẫn trong cuộc tổng tấn công dữ dội đến nỗi họ không quan tâm đến việc ai đã tuân thủ theo cách của họ).

Trong tiếng Anh, một tính từ (cụm tính từ) thường đứng sau chủ ngữ và đóng chức năng làm vị ngữ. Tuy nhiên, ta cũng có thể đặt ở đầu câu để tạo hiệu ứng nhấn mạnh. Trong trường hợp

- Ở các ví dụ 8, 9 và 10 ta thấy thành phần vị ngữ (Predicate) gồm từ nhấn mạnh “so”, tính từ và động từ *tobe* là: *so intelligent + was*, *so preoccupied + was*, và *so ruthless + was* đã được đảo lên vị trí đứng trước các chủ ngữ nhằm mục đích nhấn mạnh thông tin. Ở đây, người viết muốn nhấn mạnh các thông tin nhằm mô tả tính chất đặc trưng như: *quá thông minh (so intelligent)*, *quá chú tâm (so preoccupied)* và *quá tàn nhẫn (so ruthless)* của các chủ ngữ trong câu.

- Như vậy, khi cần nhấn mạnh một cách đặc biệt vào ý nghĩa của tính từ, chúng ta có thể đặt từ nhấn mạnh *so + tính từ* lên đầu câu. Khi đó, hoặc động từ chính sẽ chuyển lên trước chủ ngữ, hoặc trợ động từ sẽ chuyển lên vị trí trước chủ ngữ. Ví dụ:

- Cấu trúc thông thường:

The weather condition became so dangerous that all mountain roads were closed.

- Cấu trúc đảo ngữ tương ứng là:

So dangerous did the weather condition become that all mountain roads were closed (11)

(Điều kiện thời tiết quá nguy hiểm đến nỗi tất cả các con đường lên núi đều bị đóng).

- Trong ví dụ trên, tính từ và từ nhấn mạnh “so” được đảo lên trước chủ ngữ nhưng mệnh đề sau “that” không mang hình thức đảo ngữ. Động từ chính trong cấu trúc thông thường là *became*, nhưng khi thể hiện ở cấu trúc dạng đảo ngữ thì trợ động từ tương ứng (*did*) và cụm tính từ *so dangerous* được đặt trước chủ ngữ là *the weather condition*.

- Cũng giống như trong cấu trúc *so... that*, khi cần nhấn mạnh đến tính chất của chủ ngữ, người ta cũng có thể dùng đảo ngữ trong cấu trúc *Such... that*. Khi đó, *such* được đưa lên đầu câu, tiếp đó là động từ *be*. Ví dụ:

- Cấu trúc thông thường:

The popularity of the play is such that the theatre is likely to be full every night.

- Cấu trúc đảo ngữ tương ứng là:

Such is the popularity of the play that the theatre is likely to be full every night (12)

(Sự yêu thích của công chúng với vở kịch lớn đến nỗi, nhà hát hầu như chật ních người trong tất cả các đêm diễn).

2.3.2. Vị ngữ là danh từ, cụm danh từ (*Predicate is a noun or noun phrase*)

Cấu trúc thông thường: **Subject + main verb + Complement of subject...**

Cấu trúc đảo ngữ tương ứng: **Complement of subject + Subject + main verb +...**

Trong dạng câu này, thành phần bổ ngữ cho chủ ngữ (complement of subject) thường đứng ở cuối câu (S - V - C), nhưng khi cần thiết có thể được đảo lên đầu câu với tác dụng nhấn mạnh (C - S - V). Ngoài ra, việc bổ ngữ được đưa lên trước chủ ngữ không chỉ để nhấn mạnh mà còn làm cho cấu trúc câu cân đối hơn. Ví dụ:

- Cấu trúc thông thường:

She **did not say a single word.** (Cô ấy không nói một lời nào cả) (13)

S V + N = P

- Cấu trúc đảo ngữ tương ứng:

= **Not a single word** **did** **she** say.

P S

- Ở ví dụ này, trong cấu trúc thông thường vị ngữ chính là cụm từ *did not say a single word*. Tuy nhiên, khi thể hiện ở cấu trúc đảo ngữ, động từ chính *say* vẫn được giữ nguyên vị trí đứng sau chủ ngữ nhưng vị ngữ là cụm danh từ và trợ động từ tương ứng được đặt trước chủ ngữ (*Not a single word did*).

2.3.3. Vị ngữ là quá khứ phân từ (*Predicate is a Verb-ed*):

Vị ngữ cũng có thể là một động từ-ed (quá khứ phân từ). Khi một câu bắt đầu bằng một động từ-ed (quá khứ phân từ), yêu cầu phải có sự đảo ngữ.

Cấu trúc thông thường: **Subject + aux. verb + past participle...**

Ví dụ:

The days **are gone** when I could have been happy. (14)

S V + V-ed = P

The old tables and chairs **was lost** among **the priceless Victorian desk** (15)

S

V

C

Cấu trúc đảo ngữ tương ứng: **Past participle + aux. verb + subject...**

Ví dụ:

Gone are **the days** when I could have been happy.

P = V-ed + V S

(Đã qua rồi những ngày tôi có thể cảm thấy hạnh phúc).

Lost among the old tables and chairs was **the priceless Victorian desk.**

P = V-ed phrase + V S

(Lạc giữa những chiếc bàn cũ và ghế cũ là chiếc bàn Victoria vô giá).

Ở cấu trúc thông thường trong những ví dụ này, vị ngữ là cụm từ có chứa yếu tố quá khứ phân từ: **are gone** và khi được thể hiện ở cấu trúc đảo ngữ thì yếu tố quá khứ phân từ **gone** được đặt ở vị trí đầu câu theo sau nó là động từ tobe (are) và chủ ngữ.

Ở cấu trúc thông thường trong các ví dụ 14,15, thành phần vị ngữ là cụm từ có chứa yếu tố quá khứ phân từ: **was lost among the priceless Victorian desk**. Tuy nhiên, khi thể hiện ở cấu trúc đảo ngữ, yếu tố phân từ **Lost** được đặt lên vị trí đầu câu. Yếu tố tân ngữ **the priceless Victorian desk** đóng chức năng làm chủ ngữ trong câu đảo ngữ. Như vậy, vị ngữ trong câu đảo ngữ tương ứng là: **Lost among the old tables and chairs was.**

2.3.4. Vị ngữ là một hiện tại phân từ (Predicate is a V-ing)

Vị ngữ cũng có thể là một hiện tại phân từ (V-ing). Lưu ý rằng cụm hiện tại phân từ (V-ing) làm bổ ngữ của động từ “to be”.

Cấu trúc thông thường: **Subject + aux. verb + present participle...**

Cấu trúc đảo ngữ tương ứng là: **Present participle + aux. verb + subject...**

Ví dụ:

- Cấu trúc thông thường:

Mai Lan, a best student of this university was coming in first in the race. (16)

S V + V-ing = P

- Cấu trúc đảo ngữ tương ứng là:

Coming in first in the race was **Mai Lan, a best student of this university.**

P = V-ing + V S

(Về đích đầu tiên trong cuộc đua là Mai Lan, một sinh viên xuất sắc nhất của trường đại học này).

- Cấu trúc thông thường:

Little Susie, who was throwing newspaper on the spreading fire, was not helping the situation. (17)

- Cấu trúc đảo ngữ tương ứng là:

Not helping the situation was **little Susie, who was throwing newspaper on**

P = V-ing + V S

the spreading fire.

(Không cứu vãn được tình hình là bé Susie, người đã ném tờ báo vào đồng lửa đang cháy).

Ở các cấu trúc thông thường trong những ví dụ này, vị ngữ chính là cụm động từ *tobe + hiện tại phân từ + yếu tố bổ ngữ* (***was coming in first in the race*** và ***was not helping the situation***). Tuy nhiên, khi được thể hiện ở dạng đảo ngữ, các hiện tại phân từ (V-ing) được đặt ở vị trí đầu câu (***Coming in first in the race was*** và ***Not helping the situation was***).

2.3.5. Vị ngữ là một cụm từ chỉ sự so sánh (*Predicate is a comparative*)

- Cấu trúc thông thường: **The first subject + tobe + comparative + the second Subject.**

Cấu trúc đảo ngữ: **Comparative + the second subject + tobe + the first subject.**

Chúng ta chỉ có thể sử dụng hình thức đảo ngữ này khi động từ là “to be” vì trong mọi trường hợp, so sánh là sự bổ ngữ của động từ **to be**. Ví dụ:

- Cấu trúc thông thường:

A school is larger than a class. (18)

S1 tobe + comparative + S2 = P

(Một ngôi trường thì lớn hơn một phòng học).

- Cấu trúc đảo ngữ tương ứng:

= **Larger than a class is a school.**

P = Comparative + V S

- Cấu trúc thông thường:

Romantic film is more interesting than action film. (19)

S V + Comparative = P

(Phim tình cảm thì hấp dẫn hơn phim hành động).

- Cấu trúc đảo ngữ tương ứng:

= **More interesting than action film is romantic film.**

P = Comparative + V S

- Ở các cấu trúc thông thường của các ví dụ này, vị ngữ chính là cụm động từ tobe và yếu tố so sánh: ***is larger than a class*** và ***is more interesting than action film***. Tuy nhiên, khi được thể hiện ở cấu trúc đảo ngữ các yếu tố so sánh phải được đặt ở vị trí đầu câu: ***Larger than a class*** và ***More interesting than action film***

- Đảo ngữ bộ phận vị ngữ với hình thức đảo ngữ chủ ngữ động từ thường xảy ra với các hình thức so sánh hơn và so sánh nhất. Trong các ví dụ dưới đây, các từ được gạch chân làm chủ ngữ, các từ được in đậm thể hiện sự truyền đạt thông tin mới do hình thức đảo ngữ mang lại.

*The hens in the next garden: their droppings are very good dressing. **Best of all, though, are the cattle, especially when they are fed on those oilcakes.*** (20)

(Ở khu vườn bên cạnh, những con gà mái đang kiếm ăn trông thật duyên dáng. Nhưng có lẽ đáng yêu hơn cả là là những chú gia súc đang gặm nhấm những chiếc bánh).

Far more serious were the severe head injuries; in particular a bruising of the brain. (21)

(Nghiêm trọng hơn là những chấn thương ở đầu; đặc biệt là sự tổn thương của não bộ).

Thông thường, vị ngữ được đảo lên trước chủ ngữ tạo nên hình thức so sánh với một số yếu tố trong diễn ngôn trước đó, tạo nên sự liên kết chặt chẽ. Trong ví dụ 20, chủ ngữ *the cattle* được so sánh với chủ ngữ *the hens*. Chức năng liên kết đôi khi được hình thành với các từ *also* và *such*:

*Under stress, Sammler believed, the whole faltered, and parts (follicles, for instance) became conspicuous. **Such** at least was his observation.* (22)

(Bị áp lực, Sammler tin rằng các bộ phận đang bị tổn thương của nang rất dễ nhận thấy. Điều đó ít nhất cũng theo sự quan sát của ông ấy).

Also popular for travelling are quilted, overblown pseudo-ski jackets in pink or blue that look like duvets rampant. (23)

(Những chiếc áo khoác được may và thổi phồng khi trượt tuyết có màu hồng và xanh phổ biến cho việc đi du lịch trong giống như những chiếc chăn được dùng tràn lan).

- Mô hình cấu trúc của các ví dụ nêu trên đều tuân thủ theo nguyên tắc “luồng thông tin” (information-flow principle). Ở ví dụ 22, “such” ám chỉ **Sammler’s beliefs** đã được đề cập trong câu trước.

- Trường hợp đảo ngữ chủ ngữ động từ cũng xảy ra đối với hình thức so sánh kép được thể hiện qua các mệnh đề có sự tương xứng được đánh dấu bằng các cặp cụm từ có chứa mạo từ “the”. Xét các ví dụ sau:

*The more general the domain, **the more general, selective, and tentative** are the statements about its style.* (24)

(Miền càng rộng, thì những sự thể hiện phong cách của nó càng lớn, càng có tính chọn lọc và càng đúng chủ ý).

Trong ví dụ trên, ta có cấu trúc đảo ngữ là: **the more general, selective, and tentative** are the statements about its style.

Tuy nhiên, trong ví dụ 26 dưới đây không có hiện tượng đảo ngữ xảy ra.

The larger the base **the easier** it will be to perform the action. (25)

Như vậy, ở ví dụ 24, chủ ngữ là danh từ cụ thể nên thường có sự đảo ngữ chủ ngữ - động từ. Ở ví dụ 25, chủ ngữ là đại từ (it) nên sẽ không có sự đảo ngữ.

3. KẾT LUẬN

Đảo ngữ nói chung hay đảo ngữ các bộ phận vị ngữ nói riêng là một trong những phương tiện ngữ pháp được sử dụng khá phổ biến trong quá trình học tập, giảng dạy cũng như trong giao tiếp hàng ngày. Một trong những chức năng quan trọng của câu đảo ngữ chính là dùng để nhấn mạnh về một sự vật, hiện tượng nào đó theo chủ ý của người viết cũng như người nói. Từ kết quả khảo sát, chúng ta có thể thấy rằng đảo ngữ các bộ phận vị ngữ luôn có sự đa dạng về cấu trúc và linh hoạt trong quá trình vận dụng. Điều này luôn làm cho người học luôn gặp khó khăn nhất định trong quá trình học tập và nghiên cứu bởi nó đề cập đến hiện tượng không theo qui tắc trong câu.

Có thể nói, câu đảo ngữ luôn đóng một vai trò quan trọng trong giao tiếp hay trong các tác phẩm văn học, nó là phương tiện giúp cho người nói - người viết chuyển tải ý tưởng, tạo các hiệu ứng nhất định đến người nghe - người đọc với những biểu hiện ngữ nghĩa khác nhau trong mỗi hoàn cảnh giao tiếp cụ thể. Việc nghiên cứu cấu trúc và ngữ nghĩa của đảo vị ngữ sẽ giúp người dạy và người học tiếng Anh thấy được sự biến động của các mô hình cú pháp, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả dạy học ngữ pháp tiếng Anh hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thị Quỳnh Hoa (1996), *English Inversion versus Vietnamese Equivalent*, M.A thesis, College of Foreign Language, Hanoi.
- [2] Biber, Douglas et al. (1999), *Longman Grammar of Spoken and Written English*, Longman, London.
- [3] Birner, B.J. (1995), *Pragmatics Constraints on the verb in English Inversion*, *Lingua*.
- [4] Green G.M., *Some wherefores of English Inversions*, *Language* (Journal of The Linguistic Society of America).
- [5] Callow Kathleen, *Discourse Considerations in Translating the Word of God*, Zondervan, Grand Rapids, MI, 1974.
- [6] Nguyễn Như Ý, *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997.